

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Truyền thông và mạng máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **VŨ KHÁNH QUÝ**

2. Ngày tháng năm sinh: 07/05/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 4, cụm 3, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số nhà 11TT1, số 362, đường Bùi Xương Trạch, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 094.552.8686; E-mail: quyvk0705@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

TT	Thời gian	Cơ quan công tác	Địa chỉ	Chức vụ
1	12/2007- 02/2010	Trường Đại học SPKT Hưng Yên	Khoái Châu, Hưng Yên	Giảng viên, Phụ trách Trung tâm Mạng - eLearning
2	03/2010-03/2013	Trường Đại học SPKT Hưng Yên	Khoái Châu, Hưng Yên	Giảng viên, PGĐ Trung tâm Hưng Yên Aptech- CNTT&TT

3	04/2013-nay (6/2025)	Trường Đại học SPKT Hưng Yên	Khoái Châu, Hưng Yên	Giảng viên, Giám đốc Trung tâm Hưng Yên Aptech- CNTT&TT
---	-------------------------	---------------------------------	-------------------------	---

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

Địa chỉ cơ quan: Dân Tiên, Khoái Châu, Hưng Yên.

Điện thoại cơ quan: 02213.689.888

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: A0140095; ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 07 tháng 12 năm 2012; số văn bằng: A043915; ngành: Công nghệ thông tin; chuyên ngành: Truyền dữ liệu và Mạng máy tính; Nơi cấp bằng ThS: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 7 năm 2021; số văn bằng: A0017; ngành: ; chuyên ngành: Kỹ thuật Viễn thông; Nơi cấp bằng TS: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Mạng tùy biến (Ad Hoc Networks)
- Mạng thế hệ mới (Next-Generation Networks)
- Các hệ thống thông minh và IoTs (Intelligent Systems and IoTs)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

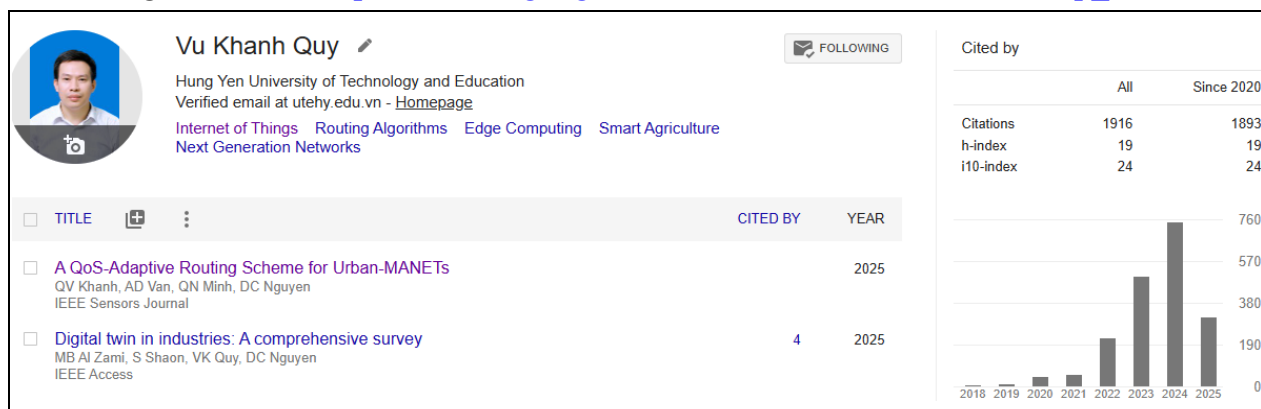
- Đang hướng dẫn (số lượng) **01** NCS (Đã tổ chức Hội thảo Luận án Tiến sĩ vào 5/2025).

- Đã hướng dẫn (số lượng) **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (**02** đã được cấp bằng; **01** đã bảo vệ thành công, chờ tốt nghiệp);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **03** đề tài cấp cơ sở (chủ nhiệm);

- Đã công bố (số lượng): **35** bài báo/báo cáo khoa học, trong đó **22** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

Link Google Scholar: https://scholar.google.com/citations?hl=en&user=YEvp_X4AAAAJ



- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Quyết định
1	“Đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng công trình thanh niên – Website Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Hưng Yên”	Bằng khen của Tỉnh đoàn Hưng Yên	QĐ số 136/QĐ/KT ngày 04/5/2009
2	“Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ 2014-2015 đến 2015-2016”	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ số 5671/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2016
3	“Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục giai đoạn 2020-2025”	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	QĐ số 700/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 14/4/2025

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- **Về phẩm chất, đạo đức và thái độ công tác:** Luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức của người thầy giáo trong Nhà trường và ngoài xã hội; Luôn trung thực trong giáo dục và trong khoa học; Tích cực hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo của Khoa và Nhà trường.

- **Về học tập và nâng cao trình độ:** Không ngừng học tập và nâng cao trình độ về chuyên môn và ngoại ngữ:

- Học Thạc sỹ (2010-2012) tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghiên cứu sinh (2014-2021) tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

- **Về giảng dạy:** Tôi đã và đang tham gia giảng dạy một số môn học/học phần trong chương trình đào tạo kỹ sư các ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên từ năm

2007 đến nay; hướng dẫn học viên Cao học hoàn thành luận văn Thạc sĩ từ năm 2021; hướng dẫn nghiên cứu sinh từ năm 2022.

- Về nghiên cứu khoa học:

- Chủ nhiệm **03** đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên), đã bảo vệ thành công (Xuất sắc).
- Chủ nhiệm **01** đề tài cấp Bộ, mã số: B2025-SKH-01 (đang thực hiện: 2025-2026).
- Đã công bố **35** bài báo/báo cáo khoa học (là tác giả chính của **31** công trình), trong đó **22** bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Hiện nay chỉ số h-index trên Google scholar của tôi là **19**, i10-index là **24**, với tổng số (khoảng) **1916** lượt trích dẫn.

- Các hoạt động chuyên môn khác: Tôi đã tích cực tham gia các hoạt động trong cộng đồng học thuật:

- Thành viên đồng tổ chức phiên đặc biệt về kết nối thông minh và Internet vạn vật ([8th Workshop on Connected Intelligence for IoT and Industrial IoT Applications](#)) tại hội nghị 99th IEEE Vehicular Technology Conference (IEEE VTC2024-Spring), 24-27 tháng 6 năm 2024,
- Thành viên đồng tổ chức phiên đặc biệt về Internet vạn vật tại hội nghị RICE 7th International Conference on Research in Intelligent Computing in Engineering (RICE 2022).
- Thành viên Ban tổ chức hội thảo RICE 7th International Conference on Research in Intelligent Computing in Engineering (RICE 2022);
- Tham gia bình duyệt trên các tạp chí chuyên ngành uy tín (ACM Computing Surveys, ISSN: 0360-0300, SCIE, Q1, IF: 23.8; IEEE Transactions on Industrial Informatics, ISSN: 1551-3203, SCIE, Q1, IF: 11.7; IEEE Internet of Things Journal, ISSN: 2327-4662, SCIE, Q1, IF: 8.2; IEEE Transactions on Emerging Topics in Computational Intelligence, ISSN: 2471-285X, SCIE, Q1, IF: 5.3; Internet of Things, ISSN: 2542-6605, SCIE, Q1, IF: 6.0; Computer communications, ISSN: 0140-3664, SCIE, Q1, IF: 4.5; Computer Networks, ISSN: 1389-1286, SCIE, Q1, IF: 4.4) và các hội nghị quốc tế có uy tín (IEEE ATC 2018; ICTA 2023; IEEE Globecom 2023; ICTA 2024; IEEE Globecom 2024; IEEE ICC 2024; IEEE VTC 2024; IEEE WCNC 2024; IEEE Globecom 2025; IEEE ICC 2025).
- Lead Guest Editor cho Special Issue với chủ đề “AI-Driven Next-Generation Networks: Innovations, Challenges, and Applications”, Computers, Materials & Continua, SCIE, IF: 2.1, 2025, https://www.techscience.com/cmc/special_detail/ai-driven_networks).
- Lead Guest Editor cho Special Issue với chủ đề “IoT and IIoT Applications for Industry 4.0”, Journal of Communications, Scopus (Q3), 2025, <https://www.jocm.us/content-226-2042-1.html>.
- Ủy viên Ban biên tập Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, ISSN: 2354-0575, <http://jst.utehy.edu.vn>

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 06 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				3	608	0	608/573,8/400
2	2020-2021				6	870	0	870/820/400
3	2021-2022				16	852	0	852/956,4/336
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2	12	606	75	681/888/336
5	2023-2024				10	578	60	638/793,4/336
6	2024-2025			1	14	390	60	450/833,3/336

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ..; Từ năm ... đến năm ...

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: ... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... số bằng: ...; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC 605 và B2- Khung tham chiếu Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Quang Chánh		x		x	17/12/2021 đến 30/6/2022	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên	18/08/2022
2	Phạm Thị Thu Hằng		x	x		29/7/2022 đến 28/2/2023	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên	18/04/2023
3	Nguyễn Thu Hoài		x	x		11/7/2023 đến 31/01/2024	Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học SPKT Hưng Yên	Số 53/GXN-ĐHSPKTHY ngày 02/6/2025 đã bảo vệ thành công luận văn

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Lập trình Ứng dụng Windows Forms	GT	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2024	4		11-28	Số 205/XN-ĐHSPKTHY ngày 18/3/2025, Trường ĐH SPKT Hưng Yên
2	Định tuyến và Chuyên mạch	GT	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2025	4	x	39-116; 189-265	Số 186/XN-ĐHSPKTHY ngày 12/3/2025, Trường ĐH SPKT Hưng Yên

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
Không có					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu giải pháp cải thiện hiệu năng mạng di động tùy biến ứng dụng cho lớp bài toán truyền thông trong đô thị thông minh	CN	UTEHY.L.2021.07, Cấp cơ sở	2021-2022	9/12/2021 Xuất sắc
2	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu năng và tiết kiệm năng lượng cho các mạng MANET, ứng dụng cho lớp bài toán giao thông thông minh	CN	UTEHY.L.2022.06, Cấp cơ sở	2022-2023	13/9/2023 Xuất sắc
3	Nghiên cứu các công nghệ tính toán tiên tiến và ứng dụng trong bài toán chăm sóc sức khỏe thông minh	Thành viên	UTEHY.L.2023.03	2023-2024	12/10/2024 Xuất sắc
4	Nghiên cứu các giải pháp định tuyến và giảm tải tính toán, áp dụng cho lớp bài toán tính toán thông minh trong mạng 6G	CN	UTEHY.L.2024.03, Cấp cơ sở	2024-2025	06/6/2025 Xuất sắc
5	Nghiên cứu ứng dụng các cơ chế giảm tải và chia sẻ tài nguyên thông minh trong mạng 6G IoV	CN	B2025-SKH-01, Bộ GD&ĐT	2025-2026	(Chưa nghiệm thu)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Phân tích trễ và mất mát trong quá trình chuyển giao Cellular/WLAN sử dụng mô hình mạng hàng đợi	2	Có	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự, ISSN: 1859-1043		0	Số 26, tr. 28-34	8/2013
2	Cơ chế hợp tác hiệu quả cho mạng di động tùy biến hỗ trợ bởi đám mây	2	Có	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học Quốc gia Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR), ISBN: 978-604-913-397-8		0	Tr. 96-102	7/2015
3	A_WCETT: Giao thức cải thiện hiệu năng mạng di động tùy biến 5G dựa trên tác tử di động	3	Có	Công nghệ Thông tin & Truyền thông (Chuyên san “Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông”), ISSN: 1859-3526		0	Tập V-1 số 17(37), tr. 14-21	6/2017
4	A Multi-metric Routing Protocol to Improve the Achievable Performance of Mobile Ad Hoc Networks	3	Có	10th Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (ACIIDS 2018), ISBN: 978-3-319-76080-3		7	Vol. 769, pp. 445-453	2/2018
5	Phân tích hiệu năng mạng MANET sử dụng các giao thức định tuyến AODV, DSR, OLSR và DSDV	4	Có	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học Quốc gia Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR), ISBN: 978-604-913-749-5		0	Tr. 404-412	8/2018
6	An Advanced Energy Efficient and High Performance Routing Protocol for MANET in 5G	3	Có	Journal of Communications, ISSN: 1796-2021	Có - Scopus IF: Q3	20	Vol. 13, No. 12, pp. 743-749	12/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	PRP: A High-Performance Routing Protocol for Mobile Ad-Hoc Networks	3	Có	2018 International Conference on Advanced Technologies for Communications (IEEE ATC), ISBN: 978-1-5386-6543-5		6	pp. 226-231	12/2018
8	A High Performance and Longer Lasting Network Lifetime Routing Protocol for MANETs	3	Có	2018 International Conference on Advanced Technologies for Communications (IEEE ATC), ISBN: 978-1-5386-6543-5		1	pp. 237-241	12/2018
9	Survey of Recent Routing Metrics and Protocols for Mobile Ad-Hoc Networks	5	Có	Journal of Communications, ISSN: 1796-2021	Có - Scopus IF: Q3	60	Vol. 14, No. 2, pp. 110-120	2/2019
10	A Survey of QoS-aware Routing Protocols for the MANET-WSN Convergence Scenarios in IoT Networks	5	Có	Wireless Personal Communications, ISSN: 0929-6212	Có - SCIE IF: 2.2, Q2	93	Vol. 120, pp. 49-62	4/2021
11	An Improved Agent-Based AODV Routing Protocol for MANET	4	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems, ISSN: 2410-0218	Có - Scopus IF: Q3	5	Vol. 8, Iss. 27, pp. 1-8	6/2021
II Sau khi được công nhận TS								
12	Communication Solutions for Vehicle Ad-hoc Network in Smart Cities Environment: A Comprehensive Survey	5	Có	Wireless Personal Communications, ISSN: 0929-6212	Có - SCIE IF: 2.2, Q2	50	Vol. 122, pp. 2791-2815	2/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13	Improved Multi-Channel Multi-Interface Routing Protocol for Wireless Mesh Networks	3	Có	International Journal of Interactive Mobile Technologies, ISSN: 1865-7923	Có - Scopus <i>IF: Q3</i>	0	Vol. 16, No. 11, pp. 136-148	6/2022
14	Routing Algorithms for MANET-IoT Networks: A Comprehensive Survey	4	Có	Wireless Personal Communications, ISSN: 0929-6212	Có - SCIE <i>IF: 2.2, Q2</i>	52	Vol 125, pp. 3501-3525	8/2022
15	Smart Healthcare IoT Applications based on Fog Computing: Architecture, Applications and Challenges	4	Có	Complex and Intelligent Systems, ISSN: 2198-6053	Có - SCIE <i>IF: 4.6, Q1</i>	146	Vol. 8, pp. 3805-3815	10/2022
16	An Edge Computing Collaboration Solution for Internet of Vehicles	5	Có	Seventh International Conference on Research in Intelligent and Computing in Engineering, ISBN: 978-83-965897-6-7		0	pp. 37-41	11/2022
17	An Efficient Edge Computing Management Mechanism for Sustainable Smart Cities	6	Có	Sustainable Computing: Informatics and Systems, ISSN: 22105379	Có - SCIE <i>IF: 5.7, Q1</i>	60	Vol. 38, Art. 100867, pp. 1-11	4/2023
18	Innovative Trends in the 6G Era: A Comprehensive Survey of Architecture, Applications, Technologies, and Challenges	5	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	Có - SCIE <i>IF: 3.6, Q1</i>	130	Vol. 11, pp. 39824-39844	4/2023
19	A Multi-Constraints Routing Scheme for MANET-	4	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems,	Có - Scopus <i>IF: Q3</i>	0	Vol. 10, No. 2, pp. 1-9	8/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	assisted IoT in Smart Cities			ISSN: 2410-0218				
20	Edge Computing for Real-Time Internet of Things Applications: Future Internet Revolution	5	Có	Wireless Personal Communications, ISSN: 0929-6212	Có - SCIE <i>IF: 2.2, Q2</i>	45	Vol. 132, pp. 1423-1452	9/2023
21	An Adaptive Gateway Selection Mechanism for MANET-IoT Applications in 5G Networks	5	Có	IEEE Sensors Journal, ISSN: 1530-437X	Có - SCIE <i>IF: 4.5, Q1</i>	13	Vol. 23, No. 19, pp. 23704-23712	10/2023
22	An Integrating Computing Framework Based on Edge-Fog-Cloud for Internet of Healthcare Things Applications	4	Có	Internet of Things, ISSN: 2543-1536	Có - SCIE <i>IF: 7.6, Q1</i>	26	Vol. 23, No. Art. 100907, pp. 1-13	10/2023
23	An Improved Selfish Node Detection Algorithm for Cognitive Radio Mobile Ad Hoc Networks	5	Có	Wireless Personal Communications, ISSN: 0929-6212	Có - SCIE <i>IF: 2.2, Q2</i>	2	Vol 133, No. 1, pp. 683-697	12/2023
24	Performance Evaluation of Fog-to-Cloud Computing Schemes for IoMT Systems Using Queuing Models	5	Có	IEEE Global Communications Conference (IEEE GLOBECOM), ISBN: 979-8-3503-1090-0		2	pp. 1096-1100	2/2024
25	An Efficient Routing Algorithm for Self-Organizing Networks in 5G-based Intelligent Transportation Systems	5	Có	IEEE Transactions on Consumer Electronics, ISSN: 0098-3063	Có - SCIE <i>IF: 10.9, Q1</i>	19	Vol. 70, No. 1, pp. 1757-1765	2/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Federated Learning for Green and Sustainable 6G IIoT Applications	4	Có	Internet of Things, ISSN: 2543-1536	Có - SCIE <i>IF: 7.6, Q1</i>	40	Vol. 25, No. Art 101061, pp. 1-17	4/2024
27	A Cross-Layer Routing Approach for MANET-assisted IoT Applications	5	Có	Transactions on Emerging Telecommunications Technologies, ISSN: 2161-3915	Có - SCIE <i>IF: 2.5, Q2</i>	2	Vol. 35, No. 4, No. Art. e4887, pp. 1-12	4/2024
28	Enabling Trustworthy Federated Learning in Industrial IoT: Bridging the Gap Between Interpretability and Robustness	6	Không	IEEE Internet of Things Magazine, ISSN: 2576-3180	Có - Scopus <i>IF: Q1</i>	5	Vol. 7, No. 5, pp. 38-44	9/2024
29	Performance Evaluation of Routing Protocol for 6G UAV Communication Networks	5	Có	IEEE 99th Vehicular Technology Conference (IEEE VTC 2024), ISBN: 979-8-3503-8741-4		0	pp. 1-5	9/2024
30	Một thuật toán phân cụm nâng cao cho mạng VANET	5	Không	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học Quốc gia Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR), ISBN: 978-604-357-348-0		0	pp. 565-572	11/2024
31	From Federated Learning to Quantum Federated Learning for Space-Air-Ground Integrated Networks	9	Có	IEEE Conference on Standards for Communications and Networking (IEEE CSCN 2024), ISBN: 979-8-3315-0743-5		4	pp. 402-407	1/2025
32	An Software Defined Networking (SDN) Enhanced Edge Computing Framework for	6	Không	IEEE Global Communications Conference (IEEE GLOBECOM 2024),		1	pp. 415-419	3/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Internet of Healthcare Things (IoHT)			ISBN:979-8-3503-5126-2				
33	Federated Learning Approach for Collaborative and Secure Smart Healthcare Applications	4	Có	IEEE Transactions on Emerging Topics in Computing, ISSN: 2168-6750	Có - SCIE IF: 5.4, Q1	2	Vol. 13, No. 1, pp. 68-79	3/2025
34	Digital Twin in Industries: A Comprehensive Survey	4	Không	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	Có - SCIE IF: 3.6, Q1	6	Vol. 13, pp. 47291-47336	3/2025
35	A QoS-Adaptive Routing Scheme for Urban-MANETs	4	Có	IEEE Sensors Journal, ISSN: 1530-437X	Có - SCIE IF: 4.5, Q1	0	Vol. 25, No. 13	5/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 16 công trình ([12], [13], [14], [15], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [23], [25], [26], [27], [33], [35]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
	Không có						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
	Không có				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) .

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Công trình [19], Bài báo: Quy Vu Khanh, Ban Nguyen Tien, Quy Nguyen Minh and Van-Hau Nguyen, "A Multi-Constraints Routing Scheme for MANET-assisted IoT in Smart Cities", EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems, ISSN: 2410-0218, Scopus-Q3, vol. 10, no. 2, pp. 1-9, 8/2023.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hưng Yên, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Vũ Khánh Quý